**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**NỘI DUNG HỌC TRỰC TUYẾN - Tuần 4 từ: 27/9/2021 đến 02/10/2021**

**Bộ môn: HÓA 8**

**TUẦN 4 - BÀI 5: NGUYÊN TỐ HOÁ HỌC (TT tiết 7)**

**A. NỘI DUNG TÌM HIỂU BÀI VÀ CÂU HỎI TÌM HIỂU BÀI**

Kiểm tra bài cũ:

**1/ Các cách viết 2O, 5H, 3N lần lượt chỉ ý gì ?**

Đáp án:

Các cách viết

2O chỉ: Hai nguyên tử **oxygen** (oxi)

5H chỉ: năm nguyên tử **hydrogen** (hidro)

3 N chỉ 3 nguyên tử **nitrogen** (nitơ)

2/ **Hãy dùng chữ số và kí hiệu hóa học diễn đạt các ý sau :**

**-Ba nguyên tử Calcium (Can xi)**

**-Bốn nguyên tử Phosphorus (Phốt pho)**

**-Năm nguyên tử Sodium (Natri)**

Đáp án:

**-** Ba nguyên tử **Calcium** (Can xi): 3Ca

- Bốn nguyên tử **Phosphorus** (Phốt pho): 4P

- Năm nguyên tử **Sodium** (Natri): 5Na

**? Đơn vị cacbon là gì?**

Đáp án:

Như các em đã biết nguyên tử có khối lượng vô cùng bé, nếu tính bằng gam thì số trị quá nhỏ không tiện sử dụng.

Vd: Khối lượng tính bằng gam của nguyên tử C :

0,000.000.000.000.000.000.000.019.926 g (=1,9926x10-23 g)

Vì vậy để tiện sử dụng người ta quy ước lấy 1/12 khối lượng nguyên tử cacbon làm đơn vị khối lượng nguyên tử gọi là đơn vị cacbon.Viết tắc là đ.v.C. Tức là 1 đ.v.C bằng 1/12 khối lượng của nguyên tử cacbon.

**? Nguyên tử khối là gì?**

Đáp án:

Nguyên tử khối là khối lượng của một nguyên tử, tính bằng đơn vị cacbon.

**B. NỘI DUNG VIẾT BÀI**

**BÀI 5: NGUYÊN TỐ HOÁ HỌC (TT tiết 7)**

**II. NGUYÊN TỬ KHỐI:**

 1. **Đơn vị cacbon:** người ta quy ước lấy 1/12 khối lượng nguyên tử cacbon làm đơn vị khối lượng cho nguyên tử gọi là *đơn vị cacbon*

2. **Nguyên tử khối***:* là khối lượng của một nguyên tử tính bằng đơn vị cacbon. Mỗi nguyên tố có nguyên tử khối riêng biệt. Các giá trị khối lượng này cho biết sự nặng nhẹ của các nguyên tử

Ví dụ: H = 1 đvC

 C = 12 đvC

 O = 16 đvC

 S = 32 đvC

Dựa vào nguyên tử khối để xác định nguyên tố hóa học.

**Xem bảng 1 trang 42 SGK**

**3. Luyện tâp:**

**a/** Nguyên tử **Carbon (Cacbon) C** và **Oxygen (Oxi) O**, nguyên tử nào nhẹ hơn, bằng bao nhiêu lần?

*Hướng dẫn giải:*

Nguyên tử **Carbon** nhẹ hơn, bằng  =lần nguyên tử **Oxygen**

b/ Nguyên tử **Oxygen (Oxi) O** và **Sulfur (Luu huỳnh) S**, nguyên tử nào nặng hơn,

bằng bao nhiêu lần?

*Hướng dẫn giải:*

Nguyên tử **Sulfur** nặng hơn, bằng  =2 lần nguyên tử **Oxygen**

**III. CÓ BAO NHIÊU NGUYÊN TỐ HÓA HỌC?** (Trang19/SGK)

**C. CÂU HỎI ÔN TẬP, VẬN DỤNG**

**TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời mà em cho là đúng**

 **Câu 1:** Nguyên tử khối là khối lượng của một nguyên tử tính bằng đơn vị nào?

A. Gam

B. Kilôgam

C. Đơn vị cacbon (đvC)

D. Cả 3 đơn vị trên

**Câu 2:** Cho nguyên tố O có nguyên tử khối là 16, Mg là 24. Nguyên tử nào nặng hơn

###### A. Mg nặng hơn O

B. Mg nhẹ hơn O

C. O bằng Mg

D. Tất cả đáp án trên

 **Câu 3:** Nguyên tố X có nguyên tử khối bằng 3,5 lần nguyên tử khối của **oxygen (oxi)**. X là nguyên tố nào sau đây?

A. Ca

B. Na

C. K

###### D. Fe

**TUẦN 4 - Bài 6 : ĐƠN CHẤT - HỢP CHẤT - PHÂN TỬ (T1)**

**A. NỘI DUNG TÌM HIỂU BÀI VÀ CÂU HỎI TÌM HIỂU BÀI**

 ***Kiểm tra bài cũ:***

 Hãy cho biết kí hiệu hóa học và nguyên tử khối của: **Oxygen(Oxi)**, **Hydrogen** (Hidro), **Copper** (Đồng)**, Iron** (Sắt), **Aluminium** (Nhôm)?

? Các em quan sát hình 1.9,1.10,1.11 trang 22,23 SGK, là các đơn chất và nhận xét.

Đơn chất là những chất tạo nên từ mấy nguyên tố hóa học?

**Đáp án:** Đơn chất là những chất tạo nên từ 1 nguyên tố hóa học.

? Các em quan sát hình 1.12,1.13 trang 23 SGK, là các hợp chất và nhận xét.

Hợp chất là những chất tạo nên từ mấy nguyên tố hóa học?

**Đáp án:** Hợp chất là những chất tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học trở lên.

**B. NỘI DUNG VIẾT BÀI**

**Bài 6 : ĐƠN CHẤT - HỢP CHẤT - PHÂN TỬ (T1)**

**I. ĐƠN CHẤT:**

 **1.Định nghĩa:** Đơn chất là những chất tạo nên từ 1 nguyên tố hóa học.

VD:+ Đơn chất **Copper** (Đồng) Cu.

 + Đơn chất hidro **Hydrogen (Hidro)** H2.

 + Đơn chất oxi **Oxygen(Oxi)** O2.

**2.Phân loại:** Có 2 loại

 + Đơn chất kim loại: Cu, Fe, Al…

 + Đơn chất phi kim: C, S, P, H2,O2 …

**3.Đặc điểm cấu tạo**

 + Kim loại: các nguyên tử sắp xếp khít nhau và theo 1 trật tự xác định.

 + Phi kim: các nguyên tử liên kết với nhau theo 1 số nhất định và thường là 2.

**II. HỢP CHẤT:**

 **1. Định nghĩa:** Hợp chất là những chất tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học trở lên.

VD: Hợp chất nước ( H2O) do 2 nguyên tố H va O tạo nên .

 **2.Phân loại:**

- Hợp chất hữu cơ: Đường C12H22O11 , khí metan CH4

- Hợp chất vô cơ: Muối ăn **sodium chloride** NaCl, **sulfuric acid** H2SO4.

**3.Đặc điểm cấu tạo:**

 Trong hợp chất, nguyên tử của nguyên tố liên kết với nhau theo một tỉ lệ và một thứ tự nhất định.

**III. PHÂN TỬ (Các em học ở tiết sau)**

**C. CÂU HỎI ÔN TẬP, VẬN DỤNG**

**Câu 4:** Đơn chất là những chất được tạo nên từ bao nhiêu nguyên tố hoá học?

A. Từ 2 nguyên tố

B. Từ 3 nguyên tố

C. Từ 4 nguyên tố trở lên

###### D. Từ 1 nguyên tố

**Câu 5:** Chất nào sau đây được gọi là đơn chất?

A. KClO3

###### B. O3

C. H2O

D. H2SO4

**Câu 6:** Chất nào sau đây được gọi là hợp chất?

A. K

###### B. O2

C. H2

D. H2SO4

\* Lưu ý: Các em xem bảng 1 trang 42 SGK **và biết viết kí hiệu hóa học, đọc tên một số nguyên tố hóa học thường dùng theo danh pháp IUPAC.** Chữ **không** in đậm là nguyên tố kim loại. Cần ghi **nhớ hoá trị các nguyên tố.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SỐ P | **KÍ HIỆU HÓA HỌC** | **Nguyên tử khối**  | **TÊN GỌI VIỆT NAM**  | **TÊN GỌI quốc tê IUPAC** | **HOÁ TRỊ** |
| **1** | **H** | **1** | **hiđro** | **Hydrogen** | **I** |
| **6** | **C** | **12** | **cacbon** | **Carbon** | **II, IV** |
| **7** | **N** | **14** | **nitơ** | **Nitrogen** | **II, III, IV,…** |
| **8** | **O** | **16** | **oxi** | **Oxygen** | **II** |
| 11 | Na | 23 | natri | Sodium | I |
| 12 | Mg | 24 | magie | Magnesium | II |
| 13 | Al | 27 | nhôm | Aluminium | III |
| **14** | **Si** | **28** | **silic** | **Silicon** | **IV** |
| **15** | **P** | **31** | **photpho** | **Phosphorus** | **III, V** |
| **16** | **S** | **32** | **luu huỳnh** | **Sulfur** | **II, IV, VI** |
| **17** | **Cl** | **35,5** | **clo** | **Chlorine** | **I,…** |
| 19 | K | 39 | kali | Potassium | I |
| 20 | Ca | 40 | Canxi | Calcium | II |
| 25 | Mn | 55 | Mangan | Manganese | II |
| 26 | Fe | 56 | Sắt | Iron | II, III |
| 29 | Cu | 64 | Đồng | Copper | I, II |
| 30 | Zn | 65 | Kẽm | Zinc | II |
| **35** | **Br** | **80** | **Brom** | **Bromine** | **I,…** |
| 47 | Ag | 108 | Bạc | Silver | I |
| 50 | Sn | 119 | Thiếc | Tin |  |
| 56 | Ba | 137 | Bari | Barium | II |
| 79 | Au | 197 | vàng | Gold |  |
| 80 | Hg | 201 | Thủy ngân | Mercury | I, II |
| 82 | Pb | 207 | chì | Lead | II, IV |

**\* DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi kiến thức đã học và làm các bài tập vào vở.

* Hạn chót nộp bài là **trước 18 giờ 00 thứ 7 ngày 02/10/2021.** Các em cố gắng làm sớm và nộp đúng hạn nhé.

**\* Một số lưu ý**

+ Đối với học sinh có thể học tập trực tuyến:

Tăng thời lượng học tập có hướng dẫn tại nhà, khi online chỉ để làm bài tập và thầy cô giáo giải đáp thắc mắc. Việc này sẽ giảm số giờ online của học sinh tránh được việc mạng chập chờn, khiến việc tiếp thu kiến thức của học sinh không được trọn vẹn.

+ Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến:

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô số điện thoại hoặc zalo của thầy cô dạy lớp mình.

**\* Hình thức HS nộp bài cho giáo viên:**

+ Học sinh đăng nhập vào trang **K12online** và dùng mã số, để học và tương tác với GVBM và nộp bài theo yêu cầu bài học.

+ Nếu không tham gia được **K12online**, các em có thể chụp hình nội dung của bài tập hoặc thắc mắc bài học có thể gửi bài vào điện thoại qua zalo của các thầy cô:

+ Lớp 8/4, 8/6, 8/8, 8/10: Thầy Khánh: 0909988258

+ Lớp 8/2, 8/3, 8/7, 8/13: Cô Liên Châu: 0909765699

+ Lớp 8/1, 8/9, 8/12: Cô Nhung: 0963672730

+ Lớp 8/5, 8/11: Cô Hồng Châu: 0918208080

  **………………HẾT………………**